

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/DSST
Ngày: 01-7-2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tiền

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Chí Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Huy.
2. Ông Nguyễn Văn Út.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2020, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2020/TLST-DS ngày 31 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tiền theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2020/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Mỹ D, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Số nhà 176, đường M, Khu phố X, phường P, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

2. Bị đơn: Chị Trần Ngọc D2, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Tổ 8, Khu phố Y, phường Đ, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 31 tháng 12 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Chị Trần Ngọc D2 có đi làm giúp việc cho quán ăn của chị Trần Thị Mỹ D và có mượn của chị D số tiền là 8.390.000 đồng. Sau khi mượn tiền thì chị D2 nghỉ việc, không làm nữa, chị D2 không thực hiện lời hứa là sẽ làm để trừ dần vào số tiền đã mượn của chị D. Ngày 14/9/2019, chị D có đến nhà chị D2 nói chuyện, chị D2 có hứa là sẽ trả hết số nợ chia làm hai lần: Lần 1, ngày 30/9/2019 trả 4.500.000 đồng; Lần 2, ngày 29/10/2019 trả 3.890.000 đồng. Tuy nhiên đến hạn chị D2 vẫn không trả cho chị D. Ngày 30/9/2019, chị D có nhờ Ban lãnh đạo Khu phố Y, phường Đ, thành phố H mời chị D2 lên giải quyết. Tại Khu phố, chị D2 trình bày chưa có việc làm nên xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng, bắt đầu từ 29/10/2019. Chị D cũng thông cảm và đồng ý cho chị D2 trả nợ mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ, không được khát nợ tháng nào. Nhưng cho đến ngày 31/12/2019, chị D2 vẫn không trả cho chị D được đồng nào. Nay chị D khởi kiện yêu cầu chị D2 phải trả số tiền đã mượn của chị D còn thiếu là 8.390.000đ (Tám triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng).

Từ khi thụ lý vụ án và trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Trần Ngọc D2 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng chị D2 không đến Tòa và không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ liên quan yêu cầu khởi kiện bao gồm: Biên bản hòa giải của Tổ hòa giải Khu phố Y, phường Đ ngày 30/9/2019 (bản viết tay theo mẫu); Phiếu thực hiện hòa giải ở cơ sở của Tổ hòa giải Khu phố Y, phường Đ ngày 30/9/2019 (bản viết tay theo mẫu); Giấy cam kết trả nợ ngày 30/9/2019 của Trần Ngọc D2 (bản viết tay theo mẫu).

Tại phiên tòa, chị Trần Thị Mỹ D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Trần Ngọc D2 phải có trách nhiệm trả số tiền 8.390.000đ (Tám triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng) cho chị D, không yêu cầu tính lãi.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử: Vụ án thụ lý là đúng thẩm quyền và đúng quan hệ pháp luật; xác định đầy đủ và đúng tư cách những người tham gia tố tụng; lập hồ sơ, thu thập chứng cứ đầy đủ; cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định; gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định.

- Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, áp dụng Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự, buộc chị D2 trả cho chị D số tiền 8.390.000 đồng, ghi nhận việc chị D không yêu cầu tính lãi. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bị đơn chị Trần Ngọc D2 có nơi cư trú tại Khu phố Y, phường Đ, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền vay còn thiếu là 8.390.000 đồng. Đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn chị Trần Ngọc D2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

[3] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản hòa giải của Tổ hòa giải Khu phố Y, phường Đ ngày 30/9/2019; Phiếu thực hiện hòa giải ở cơ sở của Tổ hòa giải Khu phố Y, phường Đ ngày 30/9/2019; Giấy cam kết trả nợ ngày 30/9/2019 của chị Trần Ngọc D2 và lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định giữa chị Trần Thị Mỹ D và chị Trần Ngọc D2 có xác lập hợp đồng vay tiền và chị D2 còn nợ chị D số tiền 8.390.000 đồng. Việc vay tiền không có lập thành văn bản, các bên không thỏa thuận thời gian trả và không thỏa thuận về lãi suất, chỉ khi phát sinh tranh chấp thì chị D2 mới làm giấy cam kết trả nợ. Đây là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi, phù hợp quy định tại Điều 463 và khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Dân sự. Giao dịch dân sự được xác lập giữa các bên có hiệu lực theo quy định tại Điều 116 và Điều 117 của Bộ luật Dân sự.

[4] Theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự về nghĩa vụ trả nợ của bên vay: “1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn,...”. Khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Dân sự về thực hiện hợp đồng vay không kỳ hạn quy định: “1. Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”. Do chị Trần Ngọc D2 vi phạm việc trả nợ, nên chị Trần Thị Mỹ D yêu cầu chị D2 phải có nghĩa vụ trả số nợ gốc 8.390.000 đồng là phù hợp quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị D, buộc chị D2 phải có nghĩa vụ trả số nợ gốc 8.390.000 đồng cho chị D.

[5] Về án phí: Buộc chị Trần Ngọc D2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% trên số tiền phải thanh toán cho chị D: $8.390.000 \text{ đồng} \times 5\% = 419.500 \text{ đồng}$. Hoàn trả cho chị D số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 147 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, khoản 1 Điều 466 và khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Mỹ D. Buộc chị Trần Ngọc D2 phải trả số tiền 8.390.000đ (Tám triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng) cho chị Trần Thị Mỹ D.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc chị Trần Ngọc D2 phải chịu án phí số tiền 419.500đ (Bốn trăm mười chín nghìn năm trăm đồng).

- Trả lại cho chị Trần Thị Mỹ D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004903 ngày 31/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. H;
- Chi cục THADDs Tp. H;
- Những người TGT,
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Chí Dũng